

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ vào các điều 32, 33, 34, 35 và Điều 36 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào Đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết vụ án kinh doanh thương mại về việc Tranh chấp Hợp đồng tín dụng đề ngày 20 tháng 12 năm 2022 của:

- Người khởi kiện: **Ngân hàng TMCP V**

Trụ sở: Số A, phố L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A- Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý, theo Giấy ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/07/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ủy quyền lại: Ông Nguyễn Triệu T, Ông Ma Quang Ma.

- Người bị kiện: **Công ty TNHH thương mại và xây lắp T**

Địa chỉ: số A đường C, phường Q, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hữu C – Chức vụ: Giám đốc.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ông Phạm Hữu C** - sinh năm: 1984.

ĐKHKT: số nhà A, tổ B, phường C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở: số A ngõ B phố Đ, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 17 tháng 03 năm 2023 về việc các bên thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, giữa;

- Người khởi kiện: **Ngân hàng TMCP V**

Trụ sở: Số A, phố L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A- Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý, theo Giấy ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/07/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ủy quyền lại: Ông Nguyễn Triệu T, Ông Ma Quang Ma.

- Người bị kiện: **Công ty TNHH thương mại và xây lắp T**

Địa chỉ: số A đường C, phường Q, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hữu C – Chức vụ: Giám đốc.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ông Phạm Hữu C** - sinh năm: 1984.

ĐKKHKT: số nhà A, tổ B, phường C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở: số A ngõ B phố Đ, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Sau khi nghiên cứu biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án, cùng các tài liệu kèm theo do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án.

XÉT THẤY:

Kết quả hòa giải thành có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận nội dung hòa giải thành của các bên cụ thể như sau:

2.1.1. Ngân hàng TMCP V và Công ty TNHH thương mại và xây lắp T xác nhận có ký Hợp đồng cho vay hạn mức tín dụng số 070422-5088313-01-SME ngày 07/04/2022 với các Khế ước nhận nợ số 061221-5088313-01-SME ngày 7/12/2021; Khế ước nhận nợ số 081221-5088313-01-SME ngày 8/12/2021; Khế ước nhận nợ số 080422-5088313-01-SME ngày 12/04/2022.

2.1.2. Ngân hàng TMCP V và ông Phạm Hữu C xác nhận có ký Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL/V ngày 07/04/2022.

2.1.3. Công ty TNHH thương mại và xây lắp T xác nhận còn nợ và phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tính đến ngày 17/03/2023 là: 2.528.714.449 đồng (Hai tỷ, năm trăm hai mươi tám triệu, bảy trăm mười bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi chín đồng). Trong đó: nợ gốc là 2.086.753.679 đồng; nợ lãi trong hạn là 54.582.595 đồng; nợ lãi quá hạn là 387.378.175 đồng.

Cụ thể số tiền nợ của từng Khế ước nhận nợ như sau:

- Khế ước nhận nợ số 061221-5088313-01-SME ngày 07/12/2021: nợ gốc là 851.749.142 đồng; nợ lãi trong hạn là 20.843.566 đồng; nợ lãi quá hạn là 159.184.855 đồng. Tổng cộng: 1.031.777.563 đồng.

- Khế ước nhận nợ số 081221-5088313-01-SME ngày 08/12/2021: nợ gốc là 1.095.004.537 đồng; nợ lãi trong hạn là 27.565.001 đồng; nợ lãi quá hạn là 209.999.841 đồng. Tổng cộng: 1.332.569.379 đồng.

- Khế ước nhận nợ số 080422-5088313-01-SME ngày 12/04/2022: nợ gốc là 140.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 6.174.028 đồng; nợ lãi quá hạn là 18.193.479 đồng. Tổng cộng: 164.367.507 đồng.

2.1.4. Các bên đương sự thống nhất lộ trình thanh toán như sau:

Chậm nhất đến ngày 31/03/2023, Công ty TNHH thương mại và xây lắp T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền 2.528.714.449 đồng (Hai

tỷ, năm trăm hai mươi tám triệu, bảy trăm mười bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi chín đồng). Trong đó: nợ gốc là 2.086.753.679 đồng; nợ lãi trong hạn là 54.582.595 đồng; nợ lãi quá hạn là 387.378.175 đồng.

Trong trường hợp Công ty TNHH thương mại và xây lắp T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP V thì ông Phạm Hữu C phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đó theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL/V ngày 7/04/2022 đã ký giữa ông Phạm Hữu C với Ngân hàng TMCP V.

Nếu Công ty TNHH thương mại và xây lắp T, ông Phạm Hữu C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V, thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, phát mại tài sản, thuộc quyền sở hữu/ sử dụng của Công ty TNHH thương mại và xây lắp T, ông Phạm Hữu C để thu hồi khoản nợ.

Kể từ ngày 18/03/2022, Công ty TNHH thương mại và xây lắp T tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thoả thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức tín dụng số 070422-5088313-01-SME ngày 07/04/2022 theo các Khế ước nhận nợ số 061221-5088313-01-SME ngày 7/12/2021; Khế ước nhận nợ số 081221-5088313-01-SME ngày 8/12/2021; Khế ước nhận nợ số 080422-5088313-01-SME ngày 12/04/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP V thì lãi suất mà người phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP V được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP V.

1.4 Về lệ phí Tòa án: Ngân hàng TMCP V, Công ty TNHH thương mại và xây lắp T và ông Phạm Hữu C không phải nộp lệ phí.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về Thi hành án dân sự.

3. Các bên, người đại diện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến quyết định của Tòa án có quyền đề nghị xem xét lại Quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định nếu có căn cứ cho rằng nội dung thoả thuận, thống nhất của các bên vi phạm một trong các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- Dương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Tạ Thị Thu Hương